

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – AN GIANG
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày: 23-12-2025
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Thái;
- Ông Phạm Sơn Điền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Huỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trà M - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh Đ (T), sinh năm 1974; địa chỉ: tổ H, khóm L, phường L, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn:

- Bà Võ Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1974; địa chỉ: khóm L, phường L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Võ Nguyễn Xuân Đ2, sinh năm 1969; địa chỉ: khóm L, phường L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Thanh Đ cho rằng, vào ngày 07/8/2024, ông Đ có cho bà Võ Nguyễn Xuân Đ1, bà Võ Nguyễn Xuân Đ2 vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay sinh hoạt cá nhân, thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi 1.200.000

đồng/tháng (6%/tháng). Các bên có lập biên nhận ngày 07/8/2024. Đến hạn thanh toán nợ, bà Đ1, bà Đ2 không thực hiện trả nợ, chỉ trả lãi được 1.200.000 đồng rồi ngưng cho đến nay. Ông Đ có nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà Đ1, bà Đ2 không thực hiện trả nợ. Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Đ1, bà Đ2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ gốc 20.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 27/6/2025 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Đ rút lại một phần yêu cầu trả lãi của số nợ gốc theo quy định pháp luật kể từ ngày 27/6/2025 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là hợp đồng vay tài sản ngày 07/8/2024 thể hiện bên cho vay Phạm Thanh Đ và bên vay Võ Thị Xuân Đ3 và Võ Nguyễn Xuân Đ2 (bản photo).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Nguyễn Xuân Đ1, bà Võ Nguyễn Xuân Đ2 trình bày, bà Đ1, bà Đ2 có vay của ông Đ số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 07/8/2024, với lãi suất, thời hạn vay, hình thức hợp đồng, việc thực hiện hợp đồng vay như ông Đ trình bày. Bà Đ1, bà Đ2 thừa nhận còn nợ ông Đ nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi như ông Đ trình bày. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu được trả nợ gốc mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ gốc 20.000.000 đồng; xin không trả thêm nợ lãi.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Đ1, bà Đ2 trả nợ gốc 20.000.000 đồng. Bà Đ1, bà Đ2 thừa nhận có vay, còn nợ lại như nguyên đơn trình bày nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ý kiến, yêu cầu của các đương sự phù hợp với giấy vay tiền ngày 07/8/2024. Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Đ1, bà Đ2 trả nợ

gốc 20.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự nên đề nghị chấp nhận.

Số tiền lãi đã trả 1.200.000 đồng/tháng là cao hơn mức lãi suất theo quy định pháp luật nhưng các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét lại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về yêu cầu trả nợ lãi, nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu trả nợ lãi là có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ theo Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 217, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Đ1, bà Đ2 liên đới trả cho ông Đ số nợ gốc 20.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu của ông Đ về yêu cầu bị đơn trả nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Phạm Thanh Đ khởi kiện yêu cầu bà Võ Nguyễn Xuân Đ1, bà Võ Nguyễn Xuân Đ2 trả nợ vay. Bà Đ1, bà Đ2 đang cư trú trên địa bàn phường L, tỉnh An Giang nên yêu cầu kiện của ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Võ Nguyễn Xuân Đ1, bà Võ Nguyễn Xuân Đ2 vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ1, bà Đ2 theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Ông Phạm Thanh Đ, bà Võ Nguyễn Xuân Đ1, bà Võ Nguyễn Xuân Đ2 khai thống nhất, ngày 07/8/2024, ông Đ có cho bà Đ1, bà Đ2 vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay sinh hoạt cá nhân, thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi 1.200.000 đồng/tháng (6%/tháng). Các bên có lập hợp đồng vay ngày 07/8/2024. Sau khi vay, bà Đ1, bà Đ2 trả tiền lãi 1.200.000 đồng rồi ngưng thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho đến nay.

Lời khai này của ông Đ, bà Đ1, bà Đ2 phù hợp với nội dung hợp đồng vay tài sản ngày 07/8/2024 có chữ ký, chữ viết đề họ tên bên vay Võ Nguyễn Xuân Đ1 và Võ Nguyễn Xuân Đ2.

Vì vậy, có căn cứ xác định, bà Đ1, bà Đ2 có vay của ông Đ số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng và đã thanh toán nợ lãi 1.200.000 đồng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu bà Đ1, bà Đ2 trả cho ông Đ nợ gốc 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 27/6/2025 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử và tại phiên tòa, ông Đ rút lại yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 27/6/2025 đến khi xét xử sơ thẩm; chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 20.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả nợ lãi theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại, do bà Đ1, bà Đ2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Đ1, bà Đ2 trả nợ gốc là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc bà Đ1, bà Đ2 có nghĩa vụ trả cho ông Đ nợ vay 20.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi đã trả 1.200.000 đồng của 01 tháng, mặc dù số tiền này cao hơn mức lãi suất theo quy định pháp luật nhưng thấp hơn tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả từ ngày vay đến ngày 27/6/2025 và các đương sự không yêu cầu điều chỉnh. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về phương thức thanh toán, bà Đ1, bà Đ2 yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Cho nên, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đ1, bà Đ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ông Đ là 1.000.000 đồng.

Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng mà ông Đ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh Đ về việc yêu cầu bà Võ Nguyễn Xuân Đ1 và bà Võ Nguyễn Xuân Đ2 trả nợ lãi của số nợ gốc 20.000.000 đồng theo quy định pháp luật kể từ ngày 27/6/2025 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh Đ.

Buộc ông Võ Nguyễn Xuân Đ1, bà Võ Nguyễn Xuân Đ2 có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thanh Đ số nợ vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Nguyễn Xuân Đ1, bà Võ Nguyễn Xuân Đ2 phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Thanh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Thanh Đ số tiền tạm ứng án phí 500.000 (năm trăm nghìn) đồng mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004547 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – An Giang.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Thanh Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Võ Nguyễn Xuân Đ1, bà Võ Nguyễn Xuân Đ2 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 15 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình